TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **254**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 235/2026/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị N T H**, sinh ngày 27/7/1985;
Căn cước số: 033******156;
Địa chỉ: Thôn B, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: **Anh Đ H A**, sinh ngày 02/9/1985;
Căn cước số: 033******442;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N T H và anh Đ H A.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị N T H và anh Đ H A, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị N T H và anh Đ H A có 02 con chung là cháu Đ B C, sinh ngày 07/01/2013 và cháu Đ H B, sinh ngày 14/6/2014. Chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C và cháu B. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh A cho chị H đến khi cháu C và cháu B trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị H và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0005185 ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5. Trả lại chị N T H 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án KV5;
- UBND xã T, tỉnh Hưng Yên (GCNKH số 20/2011, quyển số 01/2010 của UBND xã N, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.